

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 0211/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 164/BC-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn bản số 09350/UBND-ĐTKT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh

về việc tiếp thu, giải trình Báo cáo thẩm tra và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước; người sử dụng đất trồng lúa và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa được phân bổ, bố trí sử dụng cho mục đích bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, hỗ trợ các địa phương sản xuất lúa, bảo vệ đất trồng lúa, tăng hiệu quả sản xuất lúa tại địa phương.

b) Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa được phân bổ, hỗ trợ xác định trên diện tích đất trồng lúa theo số liệu được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Kế hoạch sử dụng đất của năm liền kề trước năm kế hoạch; Diện tích đất trồng lúa được hỗ trợ theo điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP được xác định theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao. Riêng đối với kinh phí phân bổ cho năm 2025, năm 2026 diện tích đất trồng lúa là số liệu thống kê đất đai của tỉnh năm 2023 đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố.

c) Việc sử dụng kinh phí phải đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan, đảm bảo đúng đối tượng, phạm vi, nội dung và định mức.

d) Trường hợp có cùng chính sách hỗ trợ do địa phương quy định thì được hưởng chính sách cao nhất.

2. Phạm vi hỗ trợ

Hỗ trợ các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

Điều 3. Định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ

1. Định mức hỗ trợ

Đối với nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP, phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã với định mức như sau: 30% tổng nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa: phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh; 70% tổng nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa: phân bổ cho ngân sách cấp xã.

2. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

a) Đối với nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh quy định tại khoản 1 Điều này, được sử dụng để hỗ trợ cho các hoạt động: đánh giá tính chất lý, hóa học, xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhượng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần; sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn liên xã, phường; hỗ trợ mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ, mức hỗ trợ tối đa mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ không quá 50% kinh phí theo hợp đồng thực tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 300 triệu đồng/giống lúa và chưa nhận được bất kỳ hỗ trợ nào từ nguồn ngân sách nhà nước, phần kinh phí còn lại do tổ chức, cá nhân chi trả.

b) Đối với nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ phân bổ cho ngân sách cấp xã quy định tại khoản 1 Điều này, được sử dụng để hỗ trợ cho các hoạt động:

Sử dụng không thấp hơn 50% kinh phí được phân bổ về ngân sách cấp xã để hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm;

Kinh phí được phân bổ về ngân sách cấp xã còn lại, thực hiện hỗ trợ cho các hoạt động: cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa; sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn cấp xã.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Tư thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đảng ủy HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Viện KSND, TAND, Cơ quan THADS tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy; UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- Trung tâm Công nghệ và Công TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An